

# Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVCOM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021



# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 25
Báo cáo Giám sát của Ngân hàng Giám sát	26
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	27 - 28
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	29
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	30 - 31
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	32
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	33
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	34 - 35
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	36 - 68

178  
CÔNG  
CỐ P  
QUẢ  
ỦY NG  
ÔNG M  
ĐẠI C  
VIỆT  
G ĐA

178  
CÔNG  
CỐ P  
QUẢ  
ỦY NG  
ÔNG M  
ĐẠI C  
VIỆT  
G ĐA

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 78/GCN-UBCK ngày 24 tháng 09 năm 2019. Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 107.331.828.300 VND, tương đương với 10.733.182,83 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo từng thời điểm phụ thuộc vào điều kiện thị trường và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Vinh – chức danh: Giám đốc.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Kiều Phương Khoản  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (PVBF)

b) Loại hình quỹ: Quỹ mở

c) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa lợi nhuận trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu phát hành riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

d) Thời hạn hoạt động của quỹ: Không giới hạn

e) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Không có

f) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

g) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 10.733.182,83 chứng chỉ quỹ

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ:

Theo Thông báo số 238/QLQ-PTKD của PVCB Capital gửi UBCK ngày 07 tháng 05 năm 2021 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PVBF, các nội dung sửa đổi bao gồm:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý</p> <p>1. Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý</p> <p>1. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;</p> <p>3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p>	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>3. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;</p> <p>4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>5. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>6. Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;</p> <p>7. Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>8. Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 19 tháng 1 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>9. Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 sửa đổi một số điều Thông tư số 11/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>10. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</p> <p>7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</p> <p>8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</p> <p>9. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>10. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;</p> <p>11. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>11. Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;</p> <p>12. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;</p> <p>13. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</p> <p>14. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</p> <p>15. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>16. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</p> <p>17. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</p> <p>18. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</p> <p>19. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>13. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</p> <p>14. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>15. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</p> <p>16. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo) 20. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; 21. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.		Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
2	Phần II: Các định nghĩa "Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom" Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ	Phần II: Các định nghĩa "Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom" Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 25/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
3	"Công Ty Quản Lý Quỹ" hoặc "Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB Capital" Là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 27/09/2018. Công ty PVCB Capital được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.	"Công Ty Quản Lý Quỹ" hoặc "Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB Capital" Là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020. Công ty PVCB Capital được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.	Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Công ty quản lý quỹ
4	"Ngân hàng Giám sát" Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ:...	"Ngân hàng Giám sát" Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười hai (12) ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ:...	Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Ngân hàng giám sát

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
5	"Người có liên quan" Là những người được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.	"Người có liên quan" Là những người được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
6	Điều 9. Mục tiêu đầu tư của Quỹ Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa lợi nhuận trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.	Điều 9. Mục tiêu đầu tư của Quỹ Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa lợi nhuận trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu phát hành riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Thông tư 98/2020/TT-BTC và theo tình hình hoạt động của Quỹ
7	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn, tăng trưởng bền vững nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn, tăng trưởng bền vững nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.	Bỏ cụm từ "trái phiếu doanh nghiệp chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng" và bổ sung "cam kết mua lại của TCPH tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành" phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ hiện tại và theo quy định của Luật hiện hành.  Cập nhật và điều chỉnh theo mục đ, Khoản 2, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
8	<p>2. Danh mục đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <p>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính và các công cụ có thu nhập cố định khác;</p> <p>d) Trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;</p> <p>g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>2. Danh mục đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <p>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
9	<p>Hạn chế đầu tư Khoản 2, Điều 11</p> <p>2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;</p>	<p>Hạn chế đầu tư Khoản 2, Điều 11</p> <p>2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2,3,4,5, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p> <p>Cập nhật và bổ sung đánh số thứ tự các khoản mục hạn chế đầu tư</p>
10	<p>Mục c, Khoản 2, Điều 11</p> <p>c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Mục c, Khoản 2, Điều 11</p> <p>c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo mục d, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
11	<p>Mục f, Khoản 2, Điều 11</p> <p>f) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p>	<p>Mục f, Khoản 2, Điều 11</p> <p>f) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo mục h, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
12	Mục g, Khoản 2, Điều 11 Trống	Mục g, Khoản 2, Điều 11 g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: <ul style="list-style-type: none"><li>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</li><li>- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</li><li>- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.</li></ul>	Bổ sung mục g), Cập nhật và điều chỉnh theo mục i), Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC
13	Mục j, Khoản 2, Điều 11 i) Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"><li>- Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;</li><li>- Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.</li></ul>	Mục j, Khoản 2, Điều 11 j) Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"><li>- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</li><li>- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;</li><li>- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</li></ul>	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 3, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC  Cập nhật và bổ sung đánh số thứ tự các khoản mục hạn chế đầu tư

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
14	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <p>a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</p> <p>b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;</p> <p>c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;</p> <p>d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</p> <p>e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;</p> <p>f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.</p>	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, h Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <p>a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</p> <p>b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;</p> <p>c) Hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</p> <p>d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;</p> <p>e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.</p>	<p>Cập nhật lại cách đánh số thứ tự và điều chỉnh theo mục d, Khoản 5, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
15	<p>Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3, Điều 14</p> <p>3. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.</p>	<p>Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3, Điều 14</p> <p>3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.</p>	<p>Bổ sung "Công Ty Quản Lý Quỹ" phù hợp với nội dung về Người có liên quan theo Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
16	<p>Tần suất giao dịch của Quỹ</p> <p>Khoản 1b, Điều 17</p> <p>b) Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 1 lần/tuần vào thứ Tư hàng tuần.</li><li>- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</li></ul>	<p>Tần suất giao dịch của Quỹ</p> <p>Khoản 1b, Điều 17</p> <p>b) Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 2 lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần.</li><li>- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Ban đại diện quỹ thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</li></ul>	<p>Tăng tần suất giao dịch của Quỹ để tăng tính thanh khoản và tiện lợi cho các Nhà Đầu tư tham gia vào Quỹ.</p> <p>Ban Đại diện quỹ thông qua thay đổi tăng/giảm tần suất giao dịch của Quỹ thay vì thông qua Đại hội Nhà đầu tư gần nhất</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
17	<p>Mua lại một phần, tạm ngưng giao dịch CCQ</p> <p>Mục b, Khoản 1, Điều 18</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</p>	<p>Mua lại một phần, tạm ngưng giao dịch CCQ</p> <p>Mục b, Khoản 1, Điều 18</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</li><li>- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc</li><li>- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc</li><li>- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.</li></ul>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 1, Điều 33, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
18	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>2. Trong trường hợp lệnh bán, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ.</p> <p>a) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p> <p>b) Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.</p>	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>2. Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo nguyên tắc như sau:</p> <p>a) Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;</p> <p>b) Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 33, Thông tư 98/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung Nguyên tắc phân phối CCQ ưu tiên về thời gian khi thực hiện lệnh.</p>
19	<p>Khoản 9, Điều 19</p> <p>9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Khoản 9, Điều 19</p> <p>9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 5, Điều 34, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
20	<p>Khoản 3, Điều 21</p> <p>3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.</p>	<p>Khoản 3, Điều 21</p> <p>3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 17, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
21	<p>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;</p> <p>2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>3. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;</p>	<p>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;</p> <p>2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>3. Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Mục c, Khoản 1, Điều 17, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
22	<p>Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.</p> <p>2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành</p>	<p>Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Chương trình và nội dung dự kiến và các tài liệu liên quan của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.</p> <p>2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 4, Điều 17, TT98 và Khoản 1, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
23	<p>Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3 và 4</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.</p> <p>4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bảng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.</p>	<p>Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3 và 4</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.</p> <p>4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bảng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 5 và Khoản 7, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC
24	<p>Khoản 5, Điều 25</p> <p>5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:</p> <p>a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.</p>	<p>Khoản 5, Điều 25</p> <p>5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:</p> <p>a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo mục c, Khoản 1, Điều 17 và Khoản 4, Điều 8, Thông tư 98/2020/TT-BTC
25	<p>Khoản 6, Điều 25</p> <p>6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.</p>	<p>Khoản 6, Điều 25</p> <p>6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 8, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC
26	<p>Khoản 4, Điều 29</p> <p>4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền.</p>	<p>Khoản 4, Điều 29</p> <p>4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (Ban đại diện Quỹ được phép thông qua phương án giải thể quỹ nhưng phải được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền)

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
27	Khoản 6, Điều 29 6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Khoản 6, Điều 29 6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, gửi Ngân hàng Giám sát biên bản họp và Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Cập nhật phù hợp với tình hình vận hành hoạt động của Quỹ
28	Khoản 2, Điều 31 2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.	Khoản 2, Điều 31 2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.	Cập nhật và điều chỉnh theo Phụ lục I, Khoản 2, Điều 38, Thông tư 98/2020/TT-BTC
29	Khoản 4, Điều 33 4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên. Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập thông qua.	Khoản 4, Điều 33 4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 10, Điều 19, Thông tư 98/2020/TT-BTC
30	Khoản 1, Điều 37 1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng giám sát. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại	Khoản 1, Điều 37 1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.	Bổ sung "hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát"; Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ

# Quy Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
31	Khoản 2, Điều 37 2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quyết định khác, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.	Khoản 2, Điều 37 2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quyết định khác Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.	Bổ sung "Công Ty Quản lý Quỹ" Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ
32	Mục b), Khoản 3, Điều 37 b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).	Mục b), Khoản 3, Điều 37 b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.	Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ Bỏ "phí giao dịch", "các điều kiện khác (nếu có)"
33	Khoản 2, Điều 38 2. Không được là người có liên quan với Công Ty Quản Lý Quỹ	Khoản 2, Điều 38 2. Không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ;	Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ.
34	Khoản 1 và 2, Điều 42 1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu Ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:.... 2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu Ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:....	Khoản 1 và 2, Điều 42 1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:.... 2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:....	Cập nhật và điều chỉnh tên gọi phù hợp với hoạt động Quỹ và Ngân hàng Giám sát
35	Khoản 1, Điều 47 1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN;	Khoản 1, Điều 47 1. Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với Công Ty Quản lý Quỹ;	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 1, Điều 76, Thông tư 96/2020/TT-BTC

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
36	<p>Khoản 2 và 3, Điều 47</p> <p>2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở;</p> <p>3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.</p>	<p>Khoản 2 và 3, Điều 47</p> <p>Bỏ</p>	<p>Bỏ Khoản 2 và Khoản 3 Điều này do không còn áp dụng với tình hình hoạt động hiện tại của Quỹ.</p> <p>Cập nhật đánh số thứ tự và chỉnh sửa phù hợp với Luật hiện hành</p>
37	<p>Khoản 2, Điều 48</p> <p>2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:</p>	<p>Khoản 2, Điều 48</p> <p>2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì không được:</p>	<p>Bỏ cụm từ "Ngân hàng Lưu ký".</p> <p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 3, Điều 76, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
38	<p>Phụ lục 1. Cam kết của CTQLQ</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 27/9/2018.</p>	<p>Phụ lục 1. Cam kết của CTQLQ</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Công ty quản lý quỹ</p>
39	<p>Phụ lục 2, Cam kết của NHGS</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp</p>	<p>Phụ lục 2, Cam kết của NHGS</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Ngân hàng Giám sát</p>

UBCK  
TNI  
T &  
T NI  
HAI  
T ECK

UBCK  
TNI  
T &  
T NI  
HAI  
T ECK

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
40	<p>Phụ lục 4. Phương pháp xác định GTTSR</p> <p>Mục 4.1, Giá trị tài sản chính</p> <p>2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua và bán trung bình tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại ngày trước Ngày định giá.</p>	<p>Phụ lục 4. Phương pháp xác định GTTSR</p> <p>Mục 4.1, Giá trị tài sản chính</p> <p>2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Phụ lục XIV, Thông tư 98/2020/TT-BTC
41	<p>Trái phiếu</p> <p>6. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá thị trường là Giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 2 tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p>	<p>Trái phiếu</p> <p>6. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p>	
42	<p>Cổ phiếu</p> <p>8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM</p> <p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	<p>Cổ phiếu</p> <p>8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM</p> <p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	
43	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>16. Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá</p> <p>17. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên, Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>16. Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước "Ngày Định Giá"</p> <p>17. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

i) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư số 01/2021/NQĐH-PVBF ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc tăng tần suất giao dịch của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM, nội dung được thông qua gồm:

	Quy định cũ	Quy định mới
<b>Tần suất giao dịch của Quỹ</b> Điểm b), Khoản 1, Điều 17, Điều lệ Quỹ	Chứng chỉ quỹ được giao dịch 1 lần/tuần vào thứ Tư hàng tuần	Chứng chỉ quỹ được giao dịch 2 lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần

ii) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của Quỹ:

Danh mục đầu tư	Tỷ trọng trong tổng tài sản (%)
Trái phiếu	24,44%
Cổ phiếu	0,00%
Chứng chỉ tiền gửi	33,30%
Hợp đồng tiền gửi	32,58%
Tài sản khác	9,68%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>100,00%</b>

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021: 119.315.435.368 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021: 11.116,50 VND/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021: 10.733.182,83 CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất/cao nhất trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021: 10.709,62 – 11.116,50 VND/CCQ
- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

I	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)	2.381.129.113
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	1.162.676.123
1.2	Lãi được nhận từ chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.795.956.923
1.3	Chi phí	(577.503.933)
II	Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	779.411.023
III	Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)	3.160.540.136

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ: Không có.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA QUỸ (tiếp theo)

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, cụ thể:

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,39%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = $(\text{Tổng giá trị danh mục mua vào} + \text{tổng giá trị danh mục bán ra}) / (2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ})$	73,00%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

- Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)	3.160.540.136
---	---------------

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV – Chi nhánh Hà Thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

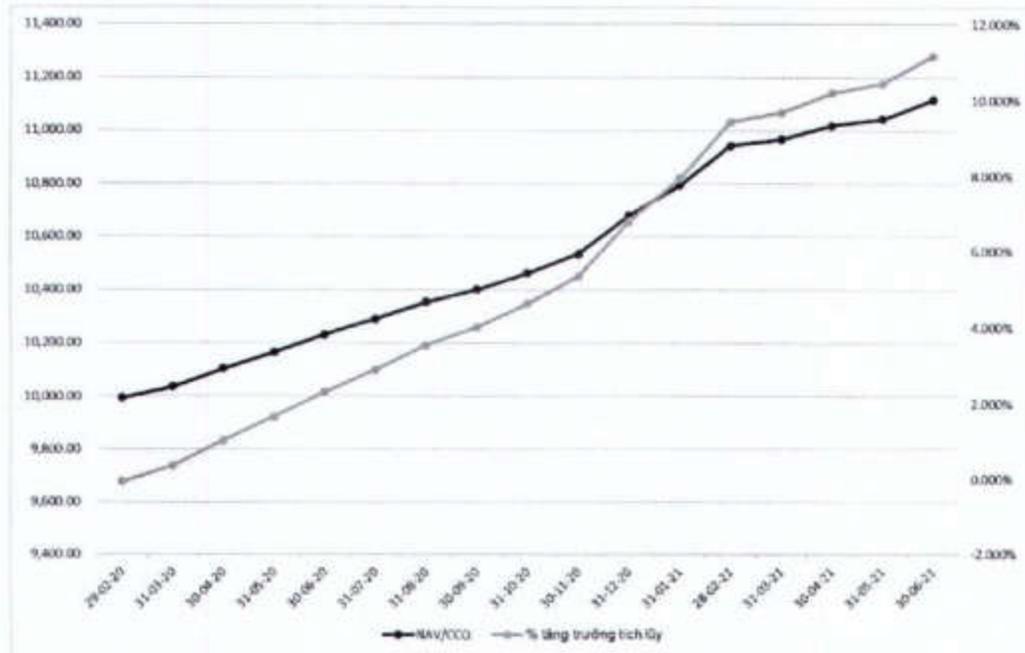
# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: Không có;
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 4,09%, tương đương với mức quy năm khoảng 8,35%/năm;
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Không có;
- d) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan;
- e) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:



# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

- f) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

#### Kinh tế vĩ mô:

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, GDP tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Dịch COVID-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng 04/2021 với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho nước ta trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế". Kết quả tăng trưởng 6 tháng đầu năm cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước và lực lượng tuyến đầu chống dịch để kiểm soát dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế – xã hội năm 2021.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, nhưng bức tranh kinh tế – xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực là do sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt và rất sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Các cơ quan, cả Trung ương và địa phương đã thực hiện tốt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, thành lập Quỹ Vắc-xin phòng chống Covid-19 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, hỗ trợ mua và tự nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, tiêm phòng miễn phí cho người dân nhằm quyết tâm đạt mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2021 cao nhất có thể. Nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng 5,64%, đây là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

#### Thị trường tiền tệ:

Lãi suất liên ngân hàng giảm trong nửa cuối tháng 6. Ngân hàng Nhà nước ("NHNN") đã bơm ròng 1,08 tỷ đồng thông qua thị trường mở sau 4 tháng không phát sinh giao dịch và toàn bộ số tiền này đã quay trở lại NHNN. Tỷ giá USD/VND tiếp tục giao dịch ổn định dù đồng USD đang tăng so với một số đồng tiền trong khu vực.

- g) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ: Không có;
- h) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có;
- i) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Không có;
- j) Các thông tin khác: Không có.

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát: Không có;
- b) Việc đầu tư đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong bán niên năm 2021 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan:
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ Trái phiếu quy định tại khoản 14, điều 2 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *"Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên"*
  - Tỷ lệ đầu tư của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành quy định tại điểm c khoản 4, điều 35 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *"Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ"*
- Ngân hàng giám sát đã gửi báo cáo UBCK và gửi thông báo tới công ty quản lý quỹ để khắc phục, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
- c) Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Việc phát hành bổ sung, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

### 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	288.000.000
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	9,11%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng	12,10%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	49,87%

- b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có;

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN (tiếp theo)

- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	90.000.000
Phí giám sát	33.000.000
Phí quản trị quỹ	99.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	66.000.000
<b>Tổng</b>	<b>288.000.000</b>

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hà Thành.

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – Chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và tác bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBV được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Trần Quang Vinh

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVcom ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong bán niên năm 2021 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan:

- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ Trái phiếu quy định tại khoản 14, điều 02 của TT 98/2020/TT-BTC: "*Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên*"
- Tỷ lệ đầu tư của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành quy định tại điểm c khoản 4, điều 35 của TT 98/2020/TT-BTC: "*Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ*"

Ngân hàng giám sát đã gửi báo cáo UBCK và gửi thông báo tới công ty QLQ để khắc phục, đến thời điểm 30/06/2021, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.



Bà Ngô Thị Thu Cúc  
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trần Thị Hồng Ngoan

Số tham chiếu: 61603446/22724428/PVBF-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ"), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2021 và được trình bày từ trang 29 đến trang 68, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam là công ty quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.5 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (là ngày thành lập Quý) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>1</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>3.738.044.069</b>	<b>1.602.063.584</b>
3	1.1 Tiền lãi được nhận		2.958.633.046	1.723.164.346
4	1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	5	1.242.945.855	-
5	1.3 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(463.534.832)	(121.100.762)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>41.966.934</b>	<b>5.329.870</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	41.966.934	5.329.870
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>535.536.999</b>	<b>413.982.100</b>
20.1	3.1 Giá quản lý quỹ mở	18.1	200.744.993	129.535.689
20.2	3.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	18.2	90.334.137	88.004.297
20.3	3.3 Giá dịch vụ giám sát	18.2	33.000.000	24.162.069
20.4	3.4 Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	18.2	99.000.000	72.486.207
20.5	3.5 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	42.935.484
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		38.183.560	33.936.170
20.9	3.6 Chi phí thanh lý tài sản quỹ mở		-	16.484.983
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	8	8.274.309	6.437.201
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>3.160.540.136</b>	<b>1.182.751.614</b>
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>15</b>	<b>3.160.540.136</b>	<b>1.182.751.614</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		3.624.074.968	1.303.852.376
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(463.534.832)	(121.100.762)
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>3.160.540.136</b>	<b>1.182.751.614</b>

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
	<b>I. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	51.092.006.642	41.024.779
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		10.092.006.642	41.024.779
	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ		6.287.652.421	15.033
111	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở		3.804.354.221	41.009.746
112	1.2 Các khoản tương đương tiền		41.000.000.000	-
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	72.663.387.139	63.560.977.042
121	2.1 Các khoản đầu tư		72.663.387.139	63.560.977.042
	2.1.1 Cổ phiếu		346.800	4.978.500.000
	2.1.2 Trái phiếu		30.758.042.952	28.882.477.040
	2.1.3 Chứng chỉ tiền gửi		41.904.997.387	29.700.000.002
130	3. Các khoản phải thu	11	2.090.645.796	2.948.529.591
133	3.1 Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		2.090.645.796	2.948.529.591
136	3.1.1 Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.090.645.796	2.948.529.591
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>125.846.039.577</b>	<b>66.550.531.412</b>
	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		36.044.677	20.842.485
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.265.738	2.552.241
316	3. Chi phí phải trả	12	49.510.250	83.367.782
317	4. Phải trả nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		6.287.208.351	-
318	5. Phải trả nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	30.991.645
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	13	155.575.193	152.340.939
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.530.604.209</b>	<b>290.095.092</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>119.315.435.368</b>	<b>66.260.436.320</b>
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	14	107.331.828.300	62.044.598.100
412	1.1. Vốn góp phát hành		121.478.032.000	70.636.387.100
413	1.2. Vốn góp mua lại		(14.146.203.700)	(8.591.789.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư	14	5.112.621.381	505.392.669
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	6.870.985.687	3.710.445.551
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>11.116,50</b>	<b>10.679,48</b>
<b>440</b>	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2021	31/12/2020
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	10.733.182,83	6.204.459,81

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
I	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ĐẦU KỲ</b>	<b>66.260.436.320</b>	<b>-</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ</b>	<b>3.160.540.136</b>	<b>1.182.751.614</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	3.160.540.136	1.182.751.614
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>49.894.458.912</b>	<b>50.841.045.043</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	56.035.230.692	52.203.981.973
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(6.140.771.780)	(1.362.936.930)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b>	<b>119.315.435.368</b>	<b>52.023.796.657</b>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng




Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>CÓ PHIẾU NIÊM YẾT</b>				
1	MBB	8	43.350,00	346.800	0,00%
	<b>Tổng</b>	<b>8</b>		<b>346.800</b>	<b>0,00%</b>
<b>II</b>	<b>TRÁI PHIẾU</b>				
1	<b>Trái phiếu niêm yết</b>				
	Trái phiếu doanh nghiệp - MSR118001	91.000	101.701,19	9.254.808.452	7,35%
	Trái phiếu doanh nghiệp - VJC11912	50.000	100.439,20	5.021.958.000	3,99%
	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN12001	50.000	99.798,64	4.989.932.000	3,97%
	Trái phiếu doanh nghiệp - ANC11601	50.000	98.808,90	4.940.444.500	3,93%
2	<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>				
	Trái phiếu doanh nghiệp - BONDHDG/2020.02	50	100.000.000,00	5.000.000.000	3,97%
	Trái phiếu doanh nghiệp - KBC2021.AB	15.509	100.000,00	1.550.900.000	1,23%
	<b>Tổng</b>	<b>256.559</b>		<b>30.758.042.952</b>	<b>24,44%</b>
<b>III</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Phải thu lãi trái phiếu			797.293.466	0,63%
2	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi			1.248.215.343	0,99%
3	Phải thu lãi tiền gửi			45.136.987	0,04%
	<b>Tổng</b>			<b>2.090.645.796</b>	<b>1,66%</b>
<b>IV</b>	<b>TIỀN</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			3.804.354.221	3,02%
2	Chứng chỉ tiền gửi			41.904.997.387	33,30%
3	Tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư			6.287.652.421	5,00%
4	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			41.000.000.000	32,58%
	<b>Tổng</b>			<b>92.997.004.029</b>	<b>73,90%</b>
<b>IV</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>	<b>256.567</b>		<b>125.846.039.577</b>	<b>100,00%</b>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		3.160.540.136	1.182.751.614
02	Điều chỉnh			
03	- Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		463.534.832	121.100.762
04	- Chi phí trích trước		-	37.507.600
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		3.624.074.968	1.341.359.976
06	- Tăng các khoản đầu tư		(9.565.944.929)	(50.528.373.454)
07	- Giảm/(Tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		857.883.795	(1.674.008.219)
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		15.202.192	13.151.722
13	- (Giảm)/Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(286.503)	1.006
14	- Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		6.287.208.351	-
15	- Giảm phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(30.991.645)	-
16	- Tăng phải trả phải nộp khác		(33.857.532)	87.748.784
17	- Giảm phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		3.234.254	-
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>1.156.522.951</b>	<b>(50.760.120.185)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	14	56.035.230.692	52.203.981.973
32	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	14	(6.140.771.780)	(1.362.936.930)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>49.894.458.912</b>	<b>50.841.045.043</b>
40	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>51.050.981.863</b>	<b>80.924.858</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>41.024.779</b>	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		41.024.779	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		41.009.746	-
53	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		15.033	-
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>10</b>	<b>51.092.006.642</b>	<b>80.924.858</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		10.092.006.642	80.924.858
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		3.804.354.221	80.924.858
58	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		6.287.652.421	80.924.858
60	<b>VI. CHÉNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ</b>		<b>51.050.981.863</b>	<b>80.924.858</b>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 78/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 24 tháng 09 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2020 và sửa đổi lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 238/QLQ-PTKD ngày 07 tháng 05 năm 2021.

#### **Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

#### **Địa chỉ liên hệ của Quỹ**

Quỹ có địa chỉ liên hệ và Công ty Quản lý quỹ có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

***Quy mô vốn***

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 107.331.828.300 VND, tương đương với 10.733.182,83 chứng chỉ quỹ.

***Mục tiêu đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

***Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ***

***Ngày định giá***

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Từ ngày 04 tháng 06 năm 2021, tần suất giao dịch của Quỹ là một (02) lần một (01) tuần vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

***Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ***

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

***Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ***

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Hạn chế đầu tư**

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và hạn mức đầu tư sau:

- ▶ Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
  - ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
  - ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
  - ▶ Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại Theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức phát hành, trừ công nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ** (tiếp theo)

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ** (tiếp theo)

**Hạn chế đầu tư** (tiếp theo)

- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - ▶ Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - ▶ Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - ▶ Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm.

Trừ ba (03) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tác, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

HÀNH VI VI PHẠM NỘI BỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.5 Thông tin so sánh**

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (là ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2020. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

**3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.3 Các khoản đầu tư**

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

*Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo Thông tư 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**4.3 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ, Thông tư 98 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (\*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế, cụ thể như sau:

- Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**4.3 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

▶ **Trái phiếu niêm yết**

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn (\*\*) thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá bình quân của các tổ chức báo giá trong danh sách được Ban Đại diện Quý phê duyệt. Báo giá phải được cung cấp bởi ít nhất 3 trong 5 tổ chức báo giá không phải là người là có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá được Ban Đại diện Quý lựa chọn. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ;
- Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến ngày định giá + lãi lũy kế; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Ghi chú:

- (\*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.
- (\*\*) Giá thị trường có biến động lớn được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

▶ **Trái phiếu chưa niêm yết:**

Giá yết (\*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế;
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Ghi chú:

- (\*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**4.3 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

► **Cổ phiếu**

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- Giá trung bình từ các báo giá, hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**4.5 Các khoản phải trả**

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc.

**4.6 Dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi Đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)**

*Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

*Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối*

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối*".

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**4.8 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.9 Chi phí và giá dịch vụ**

Các chi phí và giá dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí và giá dịch vụ chủ yếu như sau:

*Giá dịch vụ quản lý*

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý sẽ là 0,5% giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

*Giá dịch vụ giám sát và lưu ký*

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 là  $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$  và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 là  $0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$  và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

*Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán:*

<b>STT</b>	<b>Loại dịch vụ</b>	<b>Mức giá dịch vụ (không thuế giá trị gia tăng)</b>
1	Giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 VND/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 VND/ngày giao dịch
2	Giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 VND/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 VND/ngày giao dịch
3	Giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 VND/giao dịch

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí thanh toán, giá dịch vụ tài khoản (duy trì tài khoản, internet banking...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.

*Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 là  $0,03\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$  và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ soạn thảo báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tần suất hàng ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**4.9 Chi phí và giá dịch vụ** (tiếp theo)

*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

<b>STT</b>	<b>Loại phí</b>	<b>Mức giá dịch vụ</b> <i>(chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)</i>
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- <i>Lập danh sách thực hiện quyền</i>	1.000.000 VND/lần lập danh sách
	- <i>Phân phối cổ tức</i>	Miễn phí

*Phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

*Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

*Chi phí khác*

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

**4.10 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

**a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư**

Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Thuế (tiếp theo)**

*b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

**4.11 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.12 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## Quý Đầu tư Trái phiếu PVMCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư kỳ này VND	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	13.805.025.000	12.388.514.145	1.416.510.855	-
Trái phiếu niêm yết	9.500.000.000	9.673.565.000	(173.565.000)	-
	<b>23.305.025.000</b>	<b>22.062.079.145</b>	<b>1.242.945.855</b>	-

### 6. CHÉNH LỆCH GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	194.855	346.800	151.945	371.571.000	(371.419.055)
Trái phiếu	31.007.274.995	30.758.042.952	(249.232.043)	(157.116.266)	(92.115.777)
Chứng chỉ tiền gửi	41.904.997.387	41.904.997.387	-	-	-
	<b>72.912.467.237</b>	<b>72.663.387.139</b>	<b>(249.080.098)</b>	<b>214.454.734</b>	<b>(463.534.832)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND</i>
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	20.707.538	-
Chi phí môi giới, giao dịch mua các khoản đầu tư	13.746.460	3.390.785
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	7.512.937	1.939.085
	<b>41.966.934</b>	<b>5.329.870</b>

**8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND</i>
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.958.909	3.571.429
Phí ngân hàng	2.215.400	2.865.772
Phí thực hiện quyền trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	1.100.000	-
	<b>8.274.309</b>	<b>6.437.201</b>

## Quý Đầu tư Trái phiếu PVMOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (i) VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (ii) VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại (ii) VND
				Tăng VND	Giảm VND	
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
1	MBB	194.855	346.800	151.945	-	346.800
		<b>194.855</b>	<b>346.800</b>	<b>151.945</b>	-	<b>346.800</b>
<b>II</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – MSR118001	9.254.808.452	9.254.808.452	-	-	9.254.808.452
2	Trái phiếu doanh nghiệp – VJC11912	5.042.638.356	5.021.958.000	-	(20.680.356)	5.021.958.000
3	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN12001	5.111.219.854	4.989.932.000	-	(121.287.854)	4.989.932.000
4	Trái phiếu doanh nghiệp – ANC11601	5.047.708.333	4.940.444.500	-	(107.263.833)	4.940.444.500
		<b>24.456.374.995</b>	<b>24.207.142.952</b>	-	<b>(249.232.043)</b>	<b>24.207.142.952</b>
<b>III</b>	<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – BONDHDG/2020.02	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
2	Trái phiếu doanh nghiệp – KBC2021.AB	1.550.900.000	1.550.900.000	-	-	1.550.900.000
		<b>6.550.900.000</b>	<b>6.550.900.000</b>	-	-	<b>6.550.900.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>					
1	Chứng chỉ tiền gửi – VietCredit24022021	10.000.000.047	10.000.000.047	-	-	10.000.000.047
2	Chứng chỉ tiền gửi – CCTG.SHBFC.25.03.2020	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
3	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG-9095	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
4	Chứng chỉ tiền gửi – VietCredit22062021	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
5	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG-10050-CN1.2	4.904.997.463	4.904.997.463	-	-	4.904.997.463
6	Chứng chỉ tiền gửi – VietCredit11012021	4.000.000.019	4.000.000.019	-	-	4.000.000.019
7	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG-9848	2.999.999.856	2.999.999.856	-	-	2.999.999.856
		<b>41.904.997.387</b>	<b>41.904.997.387</b>	-	-	<b>41.904.997.387</b>
		<b>72.912.467.237</b>	<b>72.663.387.139</b>	<b>151.945</b>	<b>(249.232.043)</b>	<b>72.663.387.139</b>

(i) Không bao gồm lãi dự thu của trái phiếu đến ngày mua.

(ii) Không bao gồm lãi dự thu tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

## Quý Đầu tư Trái phiếu PVMOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (i) VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (ii) VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại (ii) VND
				Tăng VND	Giảm VND	
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
1	MBB	2.595.929.000	2.760.000.000	164.071.000	-	2.760.000.000
2	HPG	1.121.500.000	1.243.500.000	122.000.000	-	1.243.500.000
3	VPB	889.500.000	975.000.000	85.500.000	-	975.000.000
		<b>4.606.929.000</b>	<b>4.978.500.000</b>	<b>371.571.000</b>	-	<b>4.978.500.000</b>
<b>II</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – MSR118001	9.254.808.452	9.225.037.640	-	(29.770.812)	9.225.037.640
2	Trái phiếu doanh nghiệp – VPL11810	9.673.665.000	9.501.835.400	-	(171.729.600)	9.501.835.400
3	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN12001	5.111.219.854	5.155.604.000	44.384.146	-	5.155.604.000
		<b>24.039.693.306</b>	<b>23.882.477.040</b>	<b>44.384.146</b>	<b>(201.500.412)</b>	<b>23.882.477.040</b>
<b>III</b>	<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – BONDHDG/2020.02	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-	<b>5.000.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>					
1	Chứng chỉ tiền gửi – SHBF20024202003	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
2	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG7728	4.900.000.000	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi – CCTG20200115	9.800.000.000	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000
4	Chứng chỉ tiền gửi – FECREDIT4	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
		<b>29.700.000.002</b>	<b>29.700.000.002</b>	-	-	<b>29.700.000.002</b>
		<b>63.346.522.308</b>	<b>63.560.977.042</b>	<b>415.955.146</b>	<b>(201.500.412)</b>	<b>63.560.977.042</b>

(i) Không bao gồm lãi dự thu của trái phiếu đến ngày mua.

(ii) Không bao gồm lãi dự thu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành:	10.092.006.642	41.024.779
- Tiền gửi tài khoản hoạt động và tài khoản thanh toán mua lại CCQ Ngân hàng	3.804.354.221	41.009.746
- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	6.287.652.421	15.033
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	41.000.000.000	-
	<b>51.092.006.642</b>	<b>41.024.779</b>

(\*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 03 tháng được hưởng lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,5%/năm.

**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu lãi trái phiếu	797.293.466	943.691.233
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	1.248.215.343	2.004.838.358
Phải thu lãi tiền gửi	45.136.987	-
	<b>2.090.645.796</b>	<b>2.948.529.591</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả phí kiểm toán	38.183.560	77.000.000
Phải trả phí quản lý thường niên của UBCK	11.326.690	6.367.782
	<b>49.510.250</b>	<b>83.367.782</b>

**13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	30/06/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	107.531.810	53.122.395
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản	15.043.383	218.544
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	66.000.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	5.500.000	22.000.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	<b>155.575.193</b>	<b>152.340.939</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Biến động vốn góp trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>31/12/2020</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>30/06/2021</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng	CCQ	7.063.638,71	5.084.164,49	12.147.803,20
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.122,74	11.021,52	10.498,90
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	70.636.387.100	50.841.644.900	121.478.032.000
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	866.994.873	5.193.585.792	6.060.580.665
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	71.503.381.973	56.035.230.692	127.538.612.665
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng	CCQ	(859.178,90)	(555.441,47)	(1.414.620,37)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.420,87	11.055,66	10.670,12
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(8.591.789.000)	(5.554.414.700)	(14.146.203.700)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	(361.602.204)	(586.357.080)	(947.959.284)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(8.953.391.204)	(6.140.771.780)	(15.094.162.984)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	CCQ	<b>6.204.459,81</b>	<b>4.528.723,02</b>	<b>10.733.182,83</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	VND	<b>62.549.990.769</b>	<b>49.894.458.912</b>	<b>112.444.449.681</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	VND	<b>3.710.445.551</b>	<b>3.160.540.136</b>	<b>6.870.985.687</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành</b>	VND	<b>66.260.436.320</b>	<b>53.054.999.048</b>	<b>119.315.435.368</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>	VND/ CCQ	<b>10.679,48</b>		<b>11.116,50</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Biến động vốn góp trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

		<i>07/02/2020</i> <i>(ngày thành lập</i> <i>Quỹ)</i>	<i>Phát sinh</i> <i>trong kỳ</i>	<i>31/12/2020</i>
	<i>Đơn vị</i>			
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng	CCQ	5.010.000,00	2.053.639,71	7.063.639,71
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.000,00	10.422,17	10.122,74
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	50.100.000.000	20.536.387.100	70.636.387.100
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	-	866.994.873	866.994.873
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	50.100.000.000	21.403.381.973	71.503.381.973
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng	CCQ	-	(859.178,90)	(859.178,90)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	10.420,87	10.420,87
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(8.591.789.000)	(8.591.789.000)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	-	(361.602.204)	(361.602.204)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	-	(8.953.391.204)	(8.953.391.204)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>				
	CCQ	<u>5.010.000,00</u>	<u>1.194.459,81</u>	<u>6.204.459,81</u>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>				
	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>12.449.990.769</u>	<u>62.549.990.769</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>				
	VND	<u>-</u>	<u>3.710.445.551</u>	<u>3.710.445.551</u>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành</b>				
	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>16.160.436.320</u>	<u>66.260.436.320</u>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>				
	VND/ CCQ	<u>10.000,00</u>		<u>10.679,48</u>

**15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>30/06/2021</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2020</i> <i>VND</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ</b>	<b>3.710.445.551</b>	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	3.160.540.136	3.710.445.551
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	3.624.074.968	3.495.990.817
- Lợi nhuận chưa thực hiện	<u>(463.534.832)</u>	<u>214.454.734</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b><u>6.870.985.687</u></b>	<b><u>3.710.445.551</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Biến động giá trị tài sản ròng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021*

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
	31/12/2020	66.260.436.320	6.204.460	10.679,48	11,20
1	05/01/2021	66.447.439.245	6.204.460	10.709,62	30,14
2	12/01/2021	74.904.524.078	6.951.452	10.775,37	65,75
3	19/01/2021	74.968.879.818	6.961.846	10.768,53	(6,84)
4	26/01/2021	75.237.616.311	6.972.061	10.791,30	22,77
5	31/01/2021	75.252.899.207	6.972.061	10.793,49	2,19
6	02/02/2021	75.210.941.946	6.972.061	10.787,47	(6,02)
7	09/02/2021	75.353.061.594	6.972.061	10.807,86	20,39
8	16/02/2021	75.440.857.670	6.972.061	10.820,45	12,59
9	23/02/2021	76.202.095.869	6.975.942	10.923,55	103,10
10	28/02/2021	76.948.281.710	7.030.869	10.944,34	20,79
11	02/03/2021	76.904.881.018	7.030.869	10.938,17	(6,17)
12	09/03/2021	76.951.682.370	7.030.869	10.944,83	6,66
13	16/03/2021	77.077.082.019	7.034.981	10.956,26	11,43
14	23/03/2021	78.095.501.022	7.126.253	10.958,84	2,58
15	30/03/2021	78.959.809.349	7.190.250	10.981,51	22,67
16	31/03/2021	78.860.831.410	7.190.250	10.967,74	(13,77)
17	06/04/2021	78.996.825.496	7.190.250	10.986,65	18,91
18	13/04/2021	79.106.270.752	7.190.250	11.001,88	15,23
19	20/04/2021	80.258.782.163	7.285.233	11.016,63	14,75
20	27/04/2021	80.246.283.082	7.285.233	11.014,92	(1,71)
21	30/04/2021	76.952.022.960	6.982.981	11.019,93	5,01
22	04/05/2021	77.040.067.202	6.982.981	11.032,54	12,61
23	11/05/2021	77.109.419.073	6.984.794	11.039,61	7,07
24	18/05/2021	77.167.766.285	6.986.968	11.044,52	4,91
25	25/05/2021	85.216.967.183	7.711.399	11.050,77	6,25
26	31/05/2021	85.166.301.498	7.711.399	11.044,20	(6,57)
27	01/06/2021	85.207.189.050	7.711.399	11.049,51	5,31
28	07/06/2021	85.503.459.440	7.711.399	11.087,93	38,42
29	09/06/2021	85.580.289.567	7.715.368	11.092,18	4,25
30	14/06/2021	86.893.415.884	7.829.085	11.098,79	6,61
31	16/06/2021	86.947.569.271	7.842.089	11.087,29	(11,50)
32	21/06/2021	107.015.026.740	9.638.905	11.102,40	15,11
33	23/06/2021	117.023.805.696	10.533.688	11.109,48	7,08
34	28/06/2021	117.070.145.927	10.531.422	11.116,27	6,79
35	30/06/2021	119.315.435.368	10.733.183	11.116,50	0,23

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 82.875.240.779

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 11.116,50
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 10.709,62

(\*) Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Biến động giá trị tài sản ròng trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
1	07/02/2020	50.100.000.000	5.010.000	10.000,00	-
2	18/02/2020	50.084.663.049	5.010.000	9.996,93	(3,07)
3	25/02/2020	50.065.080.137	5.010.000	9.993,02	(3,91)
4	29/02/2020	50.071.059.406	5.010.000	9.994,22	1,20
5	03/03/2020	50.052.912.281	5.010.000	9.990,60	(3,62)
6	10/03/2020	50.144.613.458	5.010.000	10.008,90	18,30
7	17/03/2020	50.184.620.452	5.010.200	10.016,49	7,59
8	24/03/2020	50.217.590.918	5.010.100	10.023,27	6,78
9	31/03/2020	51.283.458.854	5.110.165	10.035,57	12,30
10	07/04/2020	52.382.010.342	5.209.512	10.055,07	19,50
11	14/04/2020	52.478.309.849	5.209.511	10.073,55	18,48
12	21/04/2020	51.183.808.947	5.074.511	10.086,45	12,90
13	28/04/2020	51.336.783.654	5.082.443	10.100,80	14,35
14	30/04/2020	51.369.690.731	5.084.423	10.103,34	2,54
15	05/05/2020	51.385.373.761	5.084.423	10.106,43	3,09
16	12/05/2020	51.507.609.278	5.084.423	10.130,47	24,04
17	19/05/2020	51.568.091.282	5.084.423	10.142,36	11,89
18	26/05/2020	51.649.574.471	5.084.423	10.158,39	16,03
19	31/05/2020	51.687.807.517	5.084.423	10.165,91	7,52
20	02/06/2020	51.763.021.635	5.084.423	10.180,70	14,79
21	09/06/2020	51.765.509.968	5.084.423	10.181,19	0,49
22	16/06/2020	51.858.171.730	5.084.423	10.199,42	18,23
23	23/06/2020	51.974.406.086	5.084.423	10.222,28	22,86
24	30/06/2020	52.023.796.657	5.084.423	10.231,99	9,71
25	07/07/2020	52.114.924.801	5.084.423	10.249,91	17,92
26	14/07/2020	52.200.739.599	5.084.423	10.266,79	16,88
27	21/07/2020	52.236.388.506	5.084.423	10.273,80	7,01
28	28/07/2020	52.434.934.541	5.090.263	10.301,02	27,22
29	31/07/2020	52.376.788.986	5.090.263	10.289,60	(11,42)
30	04/08/2020	52.442.506.077	5.090.263	10.302,51	12,91
31	11/08/2020	52.642.292.276	5.099.969	10.322,08	19,57
32	18/08/2020	54.227.072.487	5.248.389	10.332,13	10,05
33	25/08/2020	56.099.459.864	5.422.603	10.345,48	13,35
34	31/08/2020	56.145.520.037	5.422.603	10.353,98	8,50
35	02/09/2020	56.182.127.682	5.422.603	10.360,73	6,75
36	08/09/2020	56.252.054.457	5.422.603	10.373,62	12,89
37	15/09/2020	56.418.757.727	5.434.363	10.381,85	8,23
38	22/09/2020	56.448.481.352	5.434.652	10.386,77	4,92
39	29/09/2020	56.525.694.501	5.434.652	10.400,97	14,20
40	30/09/2020	56.526.767.805	5.434.652	10.401,17	0,20
41	06/10/2020	56.586.112.530	5.434.652	10.412,09	10,92
42	13/10/2020	56.735.879.568	5.437.341	10.434,48	22,39
43	20/10/2020	56.879.626.624	5.439.066	10.457,60	23,12
44	27/10/2020	56.953.459.879	5.439.965	10.469,45	11,85
45	31/10/2020	57.319.111.520	5.478.171	10.463,18	(6,27)
46	03/11/2020	57.379.134.567	5.478.171	10.474,14	10,96
47	10/11/2020	62.964.522.257	5.998.501	10.496,71	22,57
48	17/11/2020	63.699.141.522	6.058.710	10.513,64	16,93
49	24/11/2020	63.675.178.931	6.057.943	10.511,02	(2,62)
50	30/11/2020	62.823.267.151	5.963.353	10.534,89	23,87
51	01/12/2020	62.990.760.431	5.963.353	10.562,97	28,08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Biến động giá trị tài sản ròng trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau (tiếp theo)

*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2020*

<i>STT</i>	<i>Ngày NAV (*)</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>
52	08/12/2020	63.093.345.808	5.963.447	10.580,01	17,04
53	15/12/2020	63.318.783.444	5.970.158	10.605,88	25,87
54	22/12/2020	66.048.744.991	6.205.877	10.642,93	37,05
55	29/12/2020	66.222.127.513	6.207.380	10.668,28	25,35
56	31/12/2020	66.260.436.320	6.204.460	10.679,48	11,20

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 55.042.180.504

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 10.679,48
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 9.990,60

(\*) Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

**17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	<i>30/06/2021 chứng chỉ quỹ</i>	<i>31/12/2020 chứng chỉ quỹ</i>
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	<u>10.733.182,83</u>	<u>6.204.459,81</u>

## Quý Đầu tư Trái phiếu PFCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

#### 18.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	200.744.993	129.535.689
Ban Đại diện Quý	Ban Đại diện Quý	Thù lao Ban Đại diện Quý	-	16.484.983

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% giá trị tài sản ròng của Quý trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2020 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	30/06/2021 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý	53.122.395	200.744.993	(146.335.578)	107.531.810

## Quý Đầu tư Trái phiếu PVMOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

#### 18.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Đối tượng	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết		Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020	
			thức ngày 30/06/2021	VND	đến 30/06/2020	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng – Giám sát	Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	18.000.001		33.972.603	
		Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.789.936		26.856.527	
		Giá dịch vụ giám sát	90.000.000		87.862.069	
		Giá dịch vụ lưu ký	33.000.000		24.162.069	
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000		72.486.207	
			31/12/2020	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	30/06/2021
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng – Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	41.024.779	223.455.895.574	(213.404.913.711)	10.092.006.642
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	-	90.000.000	(75.000.000)	15.000.000
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	22.000.000	33.000.000	(49.500.000)	5.500.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	66.000.000	99.000.000	(148.500.000)	16.500.000

Số dư trọng yếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quỹ có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Rủi ro tiền tệ***

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

***Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu***

Các cổ phiếu và trái phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quý đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Chứng khoán niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Do đó, rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

## Quý Đầu tư Trái phiếu PVCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không bị quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			Tổng
		< 90 ngày VND	91 - 180 ngày VND	180 - 210 ngày VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.092.006.642	-	-	-	51.092.006.642
Các khoản đầu tư tài chính	72.663.387.139	-	-	-	72.663.387.139
- Cổ phiếu niêm yết	346.800	-	-	-	346.800
- Trái phiếu niêm yết	24.207.142.952	-	-	-	24.207.142.952
- Trái phiếu không niêm yết	6.550.900.000	-	-	-	6.550.900.000
- Chứng chỉ tiền gửi	41.904.997.387	-	-	-	41.904.997.387
Các khoản cho vay và phải thu	2.090.645.796	-	-	-	2.090.645.796
- Phải thu lãi tiền gửi	45.136.987	-	-	-	45.136.987
- Phải thu lãi trái phiếu niêm yết	607.094.890	-	-	-	607.094.890
- Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	190.198.576	-	-	-	190.198.576
- Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	1.248.215.343	-	-	-	1.248.215.343
	<b>125.846.039.577</b>	-	-	-	<b>125.846.039.577</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quý cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## Quý Đầu tư Trái phiếu PFCOM

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính của Quý dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:

	Không xác định thời hạn đáo hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>					
Tiền và tương đương tiền	51.092.006.642	-	-	-	51.092.006.642
Các khoản đầu tư tài chính	346.800	15.000.000.002	57.663.040.337	-	72.663.387.139
Cổ phiếu niêm yết	346.800	-	-	-	346.800
Trái phiếu niêm yết	-	-	24.207.142.952	-	24.207.142.952
Trái phiếu không niêm yết	-	-	6.550.900.000	-	6.550.900.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	15.000.000.002	26.904.997.385	-	41.904.997.387
Các khoản cho vay và phải thu	-	2.090.645.796	-	-	2.090.645.796
Phải thu tài tiền gửi	-	45.136.987	-	-	45.136.987
Phải thu lãi trái phiếu niêm yết	-	607.094.890	-	-	607.094.890
Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	-	190.198.576	-	-	190.198.576
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	1.248.215.343	-	-	1.248.215.343
	<b>51.092.353.442</b>	<b>32.090.645.800</b>	<b>84.568.037.722</b>	-	<b>167.751.036.964</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>					
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	36.044.677	-	-	36.044.677
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.265.738	-	-	2.265.738
Phải trả nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	6.287.208.351	-	-	6.287.208.351
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	155.575.193	-	-	155.575.193
Chi phí phải trả	-	49.510.250	-	-	49.510.250
	-	<b>6.530.604.209</b>	-	-	<b>6.530.604.209</b>

Quý cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quý có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT**

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/06/2020
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,48%	0,64%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,30%	0,55%
3	Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,50%	0,60%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,09%	0,17%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thú lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,02%	0,11%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,39%	2,07%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	73,00%	118,30%
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (theo mệnh giá) (VND)	62.044.598.100	50.100.000.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (chứng chỉ quỹ)	6.204.459,81	5.010.000
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (chứng chỉ quỹ)	5.084.164,49	209.722,45
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	50.841.644.900	2.097.224.500
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (chứng chỉ quỹ)	(555.441,47)	(135.299,82)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(5.554.414.700)	(1.352.998.200)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ theo mệnh giá (VND)	107.331.828.300	50.844.226.300
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (chứng chỉ quỹ)	10.733.182,83	5.084.422,63
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	42,58%	97,84
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	95,45%	99,82
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,00%	0,00
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	118	102
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	11.116,50	10.231,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam**



Ông Nguyễn Thời Đại  
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 08 năm 2021

